

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/11/2022

V/v: “Ly hôn giữa ông B và bà N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình

Ông Nguyễn Văn Hình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Thanh B**, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 14, đường P (tổ 3), phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng;

Bị đơn: Bà **Đoàn Thị N**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 7, thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2022 được bổ sung tại bản tự khai ngày 22/10/2022 nguyên đơn, ông Phạm Thanh B trình bày: Ông và bà Đoàn Thị N kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 11 năm 2018 quá trình tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, được khoảng 1 năm tuy không có mâu thuẫn gì nhưng quan hệ vợ chồng lạnh nhạt không hạnh phúc nên ông bà ngày càng ít gặp nhau. Đến tháng 3 năm 2020 giữa ông và bà N thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên thống nhất chia tay, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống cùng bà N nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà Đoàn Thị N chưa có con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/10/2022, bị đơn bà Đoàn Thị N trình bày: Bà và ông Phạm Thanh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Nam Dương, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 17/11/2018. Sau khi cưới vợ chồng không hợp nhau về tính cách và đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay ông Phạm Thanh B xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Giữa bà và ông Phạm Thanh B chưa có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa sơ thẩm.

2. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử lý hôn giữa ông Phạm Thanh B và bà Đoàn Thị N.

+ Về án phí: Ông Phạm Thanh B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

+ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Thanh B, bà Đoàn Thị N đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ông Phạm Thanh B và bà Đoàn Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã Nam Dương, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 17 tháng 11 năm 2018; vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa ông B và bà N nảy sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Ông B và bà N đều xác định hôn nhân đã tan vỡ, nay ông B xin ly hôn, bà N nhất trí.

[4] Xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông Phạm Thanh B và bà Đoàn Thị N với những mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Đoàn Thị N của ông Phạm Thanh B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Giữa ông Phạm Thanh B và bà Đoàn Thị N chưa có con chung.

[6] Về tài sản chung: Ông B và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Phạm Thanh B phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Xử cho ly hôn giữa ông Phạm Thanh B và bà Đoàn Thị N.

2. *Về án phí*: Ông Phạm Thanh B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng ông đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0004782 ngày 18 tháng 10 năm 2022

3. *Về quyền kháng cáo*: Ông Phạm Thanh B và bà Đoàn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện N;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

(Đã ký)

Bùi Xuân Thọ